

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BV - TP. HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 12 tháng 01 năm 2023.

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BV

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Thưởng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Nguyễn Đại Huy**.

+ Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BV, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BV tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BV xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 557/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp: “*Hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2022/QĐXX - ST ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tiến S**, sinh năm 1972

HKTT: Thôn Th Ch, xã Ph C, huyện BV, TP Hà Nội.

(Anh S có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Chị **Tạ Thị M**, Sinh năm: 1976

HKTT: Thôn Th Ch, xã Ph C, huyện BV, TP Hà Nội.

(Chị M xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và bản tự khai ngày 08/12/2022 anh Nguyễn Tiến S trình bày như sau: Anh S và chị Tạ Thị M có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Ph C, huyện BV, thành phố Hà Nội ngày 02/04/1997. Sau khi kết hôn vợ, chồng anh S về chung sống với nhau ngay tại nhà anh S tại xã Ph C, huyện BV, thành phố Hà Nội. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do tính cách hai vợ chồng trái ngược nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung của vợ, chồng không hạnh phúc. Đến năm 2011 thì hai vợ, chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, chính thức sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay.

Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng giữa anh S và chị M không còn, anh S đề nghị Tòa án nhân dân Huyện BV giải quyết cho anh S được ly hôn chị M, để giải phóng cho cả hai bên.

* Về con chung: Có 02 con chung là cháu: Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 14/10/1997 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/07/20 . Hiện nay cháu H và cháu Ng đã trưởng thành, không bị nhược điểm gì về thể chất và tinh thần.

* Về tài sản riêng: Không có.

* Về tài sản chung, công sức chung: Chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2022 chị Tạ Thị M trình bày như sau: Chị M và anh S có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã Phú Cường, huyện BV, thành phố Hà Nội ngày 02/04/1997. Sau khi kết hôn vợ, chồng về chung sống với nhau ngay, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn nên chị M phải đi làm ăn xa thường xuyên vì vậy vợ, chồng không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau. Đến năm 2011 thì vợ, chồng đã chính thức sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ, chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện BV giải quyết cho chị M được ly hôn anh S.

* Về con chung: Có 02 con chung là cháu: Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 14/10/1997 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/07/2001 . Hiện nay cháu H và cháu Ng đã trưởng thành, không bị nhược điểm gì về thể chất và tinh thần.

* Về tài sản riêng: Không có.

* Về tài sản chung, công sức chung: chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Không có.

Ngày 15/12/2022

chị Tạ Thị M còn có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Huyện BV giải quyết việc ly hôn cho chị M và anh S, chị có đơn xin được vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh Nguyễn Tiến S giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Chị Tạ Thị M xin vắng mặt.

Chị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]. Về tố tụng: Anh Nguyễn Tiến S khởi kiện yêu cầu được ly hôn đối với chị Tạ Thị M có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Th Ch, xã Ph C huyện BV, TP Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 1, Điều 28; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; điểm b, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BV, thành phố Hà Nội. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Tạ Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M theo luật định.

[2]. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Tiến S và chị Tạ Thị M là hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn tại UBND xã Ph C, huyện BV, thành phố Hà Nội ngày 02/04/1997. Sau khi kết hôn anh S và chị M về chung sống với nhau ngay, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn vợ, chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng do bất đồng quan điểm sống, chị M đi làm ăn xa thường xuyên nên hai vợ chồng không có thời gian quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn vợ, chồng trầm trọng từ năm 2011, vợ, chồng sống ly thân, cắt đứt mọi tình cảm vợ, chồng từ đó đến nay không có biện pháp cải thiện tình cảm vợ, chồng. Nay anh S và chị M đều xác định tình cảm vợ, chồng không còn, hai bên đều nhất trí ly hôn để giải phóng cho cả hai bên. Xong do chị M ở xa không về để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được, chị M có đơn

xin vắng mặt trong các buổi công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Do vậy Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị M trầm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng giữa anh S và chị M không thể tiếp tục duy trì. Do đó Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến S và chị Tạ Thị M để giải phóng cho cả hai bên.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu: Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 14/10/1997 và cháu Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/07/2001. Hiện nay cháu H và cháu Ng đã trưởng thành, không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản riêng: Anh S và chị M đều thừa nhận không có.

Về tài sản chung, công sức chung: Anh S và chị M đều chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh S, chị M đều thừa nhận không có.

2.4. Về án phí: Anh Nguyễn Tiến S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ: Khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Khoản 4, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: 1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Tiến S và chị Tạ Thị M.

2. Con chung: Có 02 con chung là: Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh ngày 14/10/1997 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 28/07/2001. Hiện nay anh H và chị Ng đã trưởng thành, không bị nhược điểm gì về thể chất và tinh thần.

3. Về tài sản riêng: Không có

Về tài sản chung, công sức chung: Chưa giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Tiến S phải chịu 300.000, đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Anh S đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai số: 0060678 ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện BV. Nay khấu trừ toàn bộ vào khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm anh S phải nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tiến S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Tạ Thị M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKS huyện BV
- THA BV
- UBND xã YB
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Thưởng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKS huyện BV
- THA BV
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội
- VKS huyện BV
- THA BV
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Thương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA